BẢN THUYẾT MINH CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
ĐIỀU LỆ NGÂN HÀNG TMCP BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT,
QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CỦA NGÂN HÀNG TMCP BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT VÀ
QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. ĐIỀU LỆ

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	CĂN CỨ, LÝ DO
1.	Điều 1. Giải thích từ ngữ và viết tắt 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ có ý nghĩa như sau v. ***Thành viên HĐQT độc lập*** là những người đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 48 của Điều lệ này.	Điều 1. Giải thích từ ngữ và viết tắt 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ có ý nghĩa như sau v. ***Thành viên HĐQT độc lập*** là những người đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 47 của Điều lệ này.	Chỉnh sửa dẫn chiếu theo đúng nội dung Điều lệ
2.	Điều 2. Thông tin về Ngân hàng 6. Vốn điều lệ tại thời điểm thông qua Điều lệ này là: **Bằng số: 8.881.440.950.000 đồng.** **Bằng chữ: Tám nghìn tám trăm tám mươi mốt tỷ bốn trăm bốn mươi triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.**	Điều 2. Thông tin về Ngân hàng 6. Vốn điều lệ tại thời điểm thông qua Điều lệ này là: **Bằng số: 9.769.483.190.000 đồng.** **Bằng chữ: Chín nghìn bảy trăm sáu mươi chín tỷ bốn trăm tám mươi ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng.**	Cập nhật thông tin về vốn điều lệ của Ngân hàng

3.	Điều 25. Cổ phiếu 2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Ngân hàng phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Ngân hàng phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Ngân hàng.	Điều 25. Cổ phiếu 2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Ngân hàng phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Ngân hàng.	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 120 Luật Doanh nghiệp 2014
4.	Điều 27. Sổ đăng ký cổ đông 2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung Sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Ngân hàng hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.	Điều 27. Sổ đăng ký cổ đông 2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung Sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Ngân hàng hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2014

5.	Điều 28. Quyền của cổ đông Ngân hàng 5. Việc đề cử người vào HĐQT, Ban Kiểm soát quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này được thực hiện trước khi họp ĐHĐCĐ trên cơ sở tuân thủ thủ tục quy định tại Điều 51 của Điều lệ này. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do ĐHĐCĐ quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm. Nếu ĐHĐCĐ không quyết định khác thì số lượng ứng cử viên mà các nhóm có quyền đề cử thực hiện như sau: a. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 20% (hai mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên; b. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% (hai mươi phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên; c. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 40% (bốn mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên; d. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% (bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm)	Điều 28. Quyền của cổ đông Ngân hàng 5. Việc đề cử người vào HĐQT, Ban Kiểm soát được thực hiện trước khi họp ĐHĐCĐ trên cơ sở tuân thủ thủ tục quy định tại Điều 51 của Điều lệ này. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do ĐHĐCĐ quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT, Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT/Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT/Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Ngân hàng quy định tại Điều lệ và quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục HĐQT/Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 25 Phụ lục 01 Thông tư 95/2017/TT-BTC

	tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên; e. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 60% (sáu mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên; f. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% (sáu mươi phần trăm) đến dưới 70% (bảy mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên; g. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% (bảy mươi phần trăm) đến dưới 80% (tám mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên; h. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% (tám mươi phần trăm) đến dưới 90% (chín mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên; Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, số ứng cử viên còn lại do HĐQT hoặc Ban Kiểm soát hoặc các cổ đông khác đề cử.	viên HĐQT/Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.	

6.	Điều 31. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông 1. ĐHĐCĐ họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp ĐHĐCĐ phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. 2. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn 4 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây: a. Báo cáo tài chính hàng năm, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng; b. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT; c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Ngân hàng, về kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc; d. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Thành viên Ban kiểm soát; e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.	Điều 31. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông 1. ĐHĐCĐ họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp ĐHĐCĐ phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. 2. Hình thức họp ĐHĐCĐ: Người triệu tập họp được quyền quyết định lựa chọn một trong các hình thực họp ĐHĐCĐ sau: Trực tiếp (hình thức họp truyền thống); Trực tuyến; Trực tuyến kết hợp trực tiếp. Đối với hình thức họp trực tuyến, trực tuyến kết hợp trực tiếp: (i) Tuân thủ Quy chế Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử; (ii) Người triệu tập họp được chủ động quyết định ứng dụng, phương tiện triển khai; (iii) Cách thức, hướng dẫn cổ đông tham gia họp, biểu quyết phải được gửi đến cổ đông kèm Thông báo mời họp. 3. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn 4 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn thời hạn họp ĐHĐCĐ theo quy định của Pháp luật. ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:	Bổ sung khoản 2 – Hình thức họp ĐHĐCĐ - để phù hợp với khoản 1, khoản 3 Điều 8 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2014 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và phù hợp với yêu cầu thực tế. Tại khoản 3: Bổ sung quy định về gia hạn họp ĐHĐCĐ để phù hợp với yêu cầu thực tế.

	Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, HĐQT, Ban Kiểm soát chuẩn bị các báo cáo và tài liệu liên quan; đảm bảo các Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính của Ngân hàng, Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Ngân hàng phải có ở trụ sở chính của Ngân hàng chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của ĐHĐCĐ. 3. ĐHĐCĐ họp bất thường theo triệu tập họp của HĐQT trong các trường hợp sau đây: a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng; b. Số thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của Pháp luật; c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng; d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát; e. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật. 4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên HĐQT, Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và d Khoản 3 Điều này. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên	a. Báo cáo tài chính hàng năm, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng; b.Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT; c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Ngân hàng, về kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc; d. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Thành viên Ban kiểm soát; e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, HĐQT, Ban Kiểm soát chuẩn bị các báo cáo và tài liệu liên quan; đảm bảo các Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính của Ngân hàng, Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Ngân hàng phải có ở trụ sở chính của Ngân hàng chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của ĐHĐCĐ. 4. ĐHĐCĐ họp bất thường theo triệu tập họp của HĐQT trong các trường hợp sau đây: a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng; b. Số thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của Pháp luật;	

	HĐQT phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Ngân hàng. 5. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Ngân hàng. 6. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 28 của Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế HĐQT, Ban Kiểm soát triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết. 7. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp ĐHĐCĐ: a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp; b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên	c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng; d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát; e. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật. 5. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên HĐQT, Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và d Khoản 4 Điều này. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Ngân hàng. 6. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 5 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Ngân hàng. 7. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 6 Điều này thì cổ	

	quan đến danh sách cổ đông; c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp; d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp; e. Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát; f. Xác định thời gian và địa điểm họp; g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp; h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp. 8. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 của Điều này sẽ được Ngân hàng hoàn lại. 9. Ngoài ra, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường khi có yêu cầu của NHNN. Trường hợp xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Ngân hàng, NHNN có quyền yêu cầu HĐQT của Ngân hàng triệu tập ĐHĐCĐ bất thường và quyết định về nội dung NHNN yêu cầu.	đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 28 của Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế HĐQT, Ban Kiểm soát triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết. 8. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp ĐHĐCĐ: a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp; b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp; d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp; e. Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát; f. Xác định thời gian và địa điểm họp; g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp; h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.	

		9. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại các Khoản 5, 6 và 7 của Điều này sẽ được Ngân hàng hoàn lại. 10. Ngoài ra, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường khi có yêu cầu của NHNN. Trường hợp xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Ngân hàng, NHNN có quyền yêu cầu HĐQT của Ngân hàng triệu tập ĐHĐCĐ bất thường và quyết định về nội dung NHNN yêu cầu.	
7.	Điều 34. Mời họp Đại hội đồng cổ đông 1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết theo quyết định của người triệu tập cuộc họp.	Điều 34. Mời họp Đại hội đồng cổ đông 1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết theo quyết định của người triệu tập cuộc họp.	Sửa đổi, bổ sung nhằm tạo điều kiện chủ động cho công tác tổ chức ĐHĐCĐ, trên cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 139 Luật Doanh nghiệp năm 2014.

8.	Điều 38. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 4. Quyết định của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.	Điều 38. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 4. Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Ngân hàng có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2014
9.	Điều 56. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Quản trị 11. Ủy quyền bằng văn bản cho một trong số các thành viên HĐQT đảm nhiệm công việc trong phạm vi thẩm quyền của mình trong thời gian vắng mặt.	Điều 56. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Quản trị 11. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này.	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 152 Luật Doanh nghiệp 2014
10.	Điều 62. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát 4. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập ĐHĐCĐ họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT họp bất thường theo quy định tại Khoản 8 và 9 Điều 61 của Điều lệ này.	Điều 62. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát 4. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập ĐHĐCĐ họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT họp bất thường theo quy định tại điểm h và điểm i Khoản 1 Điều 61 của Điều lệ này.	Sửa đổi dẫn chiếu theo đúng nội dung Điều lệ

11.	Điều 68. Hệ thống kiểm soát nội bộ 3. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của Ngân hàng được xây dựng phù hợp với hướng dẫn của NHNN và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra. 4. Hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng phải bảo đảm các yêu cầu sau đây: a. Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực; b. Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; c. Tuân thủ Pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ.	Điều 68. Hệ thống kiểm soát nội bộ 3. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của Ngân hàng được xây dựng phù hợp với hướng dẫn của NHNN và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra. Hệ thống kiểm soát nội bộ thực hiện giám sát của quản lý cấp cao, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn và kiểm toán nội bộ. 4. Hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng phải bảo đảm các yêu cầu sau đây: a. Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực; b. Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; c. Tuân thủ Pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ. d. Phù hợp với quy mô, điều kiện và mức độ phức tạp trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 3 và Điều 5 Thông tư 13/2018/TT-NHNN

		e. Có đủ nguồn lực về tài chính, con người, công nghệ thông tin để đảm bảo hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ; f. Xây dựng, duy trì văn hóa kiểm soát, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cho Ngân hàng.	
12.	Điều 75. Báo cáo 2. Ngân hàng có trách nhiệm báo cáo kịp thời bằng văn bản với NHNN trong các trường hợp sau đây: a. Phát sinh diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của Ngân hàng; b. Có thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của cổ đông lớn và các thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.	Điều 75. Báo cáo 2. Ngoài báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng có trách nhiệm báo cáo kịp thời bằng văn bản với NHNN trong các trường hợp sau đây: a. Phát sinh diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của Ngân hàng; b. Có thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của cổ đông lớn và các thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; c. Thay đổi tên chi nhánh của Ngân hàng; tạm ngừng hoạt động kinh doanh dưới 05 ngày làm việc; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước.	Bổ sung điểm c phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 141 Luật các TCTD

13.	Điều 90. Ngày hiệu lực, sửa đổi và bổ sung Điều lệ 1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua ngày **.../.../2019**, và thay thế Điều lệ của Ngân hàng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 28/3/2018.	Điều 90. Ngày hiệu lực, sửa đổi và bổ sung Điều lệ 1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua ngày **.../.../2020**, và thay thế Điều lệ của Ngân hàng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 24/4/2019.	Cập nhật thông tin sửa đổi Điều lệ
14.		Các nội dung khác *(Như: điều chỉnh địa chỉ Trụ sở chính, thay đổi vốn điều lệ, ...)* theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.	Căn cứ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

II. QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CỦA NGÂN HÀNG TMCP BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	CĂN CỨ, LÝ DO
1.	Điểm a Khoản 6.2 Điều 6 *6.2. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ:* *a. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết theo quyết định của người triệu tập cuộc họp.*	*6.2. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ:* *a. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết theo quyết định của người triệu tập cuộc họp.*	Sửa đổi, bổ sung nhằm tạo điều kiện chủ động cho công tác tổ chức ĐHĐCĐ, trên cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 139 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ Ngân hàng.
2.	Điểm c, d, e khoản 6.3 Điều 6 *c)Trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:* ✓ *Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;* ✓ *Người ủy quyền đã chấm dứt việc ủy quyền.* *d) Quy định tại điểm b Khoản 6.3 Điều này không áp dụng nếu Ngân hàng nhận được thông báo bằng văn*	Gộp thành điểm c khoản 6.3 điều 6: *Các nội dung liên quan khác đến cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ được ĐHĐCĐ và/hoặc HĐQT quyết định phù hợp với quy định pháp luật từng thời kỳ*	Chỉnh sửa để phù hợp với quy định của Pháp luật (Bộ luật Dân sự) và nâng cao tính chủ động cho ĐHĐCĐ, HĐQT.

	bản về một trong các trường hợp quy định tại điểm c Khoản 6.3 Điều này chậm nhất 24 (hai mươi tư) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của ĐHĐCĐ. e) *Chỉ những người có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ mới có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ*		
3.	Lược bỏ dẫn chiếu điều khoản cụ thể của Điều lệ tại Quy chế (tại các điều khoản: Khoản 10.2 Điều 10; Khoản 15.2 Điều 15; Khoản 17.1 Điều 17)	Sửa đổi thành: "theo quy định tại Điều lệ".	Chỉnh sửa câu chữ/kỹ thuật trình bày văn bản (Tránh trường hợp khi sửa đổi Điều lệ kéo theo sửa đổi các văn bản liên quan).
4.	Điều 15. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát 15.3. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định, tại Điều lệ công ty và Quy chế này. Việc BKS giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định tại Khoản 15.1 Điều này.	Điều 15. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát 15.3. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này. Việc BKS giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định tại Khoản 15.1 Điều này.	Sửa đổi lỗi chính tả

III. QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	CĂN CỨ, LÝ DO
1.	Điều 14. Nguyên tắc lấy ý kiến Hội đồng Quản trị 14.1. Thành viên HĐQT, Ủy ban/Chủ tịch Ủy ban, Tổng Giám đốc, Chánh Văn phòng HĐQT là cấp trình xin ý kiến HĐQT. Chủ tịch HĐQT xem xét, quyết định lấy ý kiến HĐQT đối với các nội dung, vấn đề cụ thể theo tờ trình (trường hợp đơn vị, cá nhân đặc biệt khác trình HĐQT theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT).	Điều 14. Nguyên tắc lấy ý kiến Hội đồng Quản trị 14.1. Thành viên HĐQT, Ủy ban/Chủ tịch Ủy ban, Tổng Giám đốc là cấp trình xin ý kiến HĐQT. Chủ tịch HĐQT xem xét, quyết định lấy ý kiến HĐQT đối với các nội dung, vấn đề cụ thể theo tờ trình (trường hợp đơn vị, cá nhân đặc biệt khác trình HĐQT theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT).	Lược bỏ cụm từ "Chánh Văn phòng HĐQT" nhằm phù hợp với mô hình của Ngân hàng từng thời kỳ.
2.	Điều 22 Văn phòng Hội đồng Quản trị	Đề xuất lược bỏ	Nhằm phù hợp với mô hình của Ngân hàng từng thời kỳ
3.	Lược bỏ dẫn chiếu điều khoản cụ thể của Điều lệ tại Quy chế (tại các điều khoản: Khoản 4.2; 4.8 Điều 4; Khoản 6.11 Điều 6; Điều 9; Điểm b khoản 11.1 Điều 11; Điểm d khoản 12.1 Điều 12; Khoản 13.1 Điều 13)	Sửa đổi thành: "theo quy định tại Điều lệ".	Chỉnh sửa câu chữ/kỹ thuật trình bày văn bản (Tránh trường hợp khi sửa đổi Điều lệ kéo theo sửa đổi các văn bản liên quan).